TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 109/2026/HNGĐ-ST Ngày 23 – 4 - 2026 V/v ly hôn và nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Ngọc Tuốt

Ông Châu Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Xà Ly– Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996 (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Anh Trần Phú H, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị L nguyên đơn trình bày: Chị L và anh Trần Phú H tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Quá trình hôn nhân giữa chị L và anh H không được hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cải nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai chưa thật sự hiểu nhau nên khi về chung sống có nhiều bất đồng với nhau quá nhiều việc trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Nên cả hai đã

quyết định sống ly thân từ tháng 5/2025 đến nay. Nay chị L xét thấy không thể tiếp tục chung sống vợ chồng anh H, nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phú H.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh H có với nhau một người con chung Trần Ngọc K, sinh ngày 10/11/2018, hiện đang sống cùng anh H. Nay chị L giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Phú H đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản, ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án đã triệu tập anh H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt, không vì lý do bất khả kháng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, thẩm phán, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hôn nhân: Chị L anh H có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc nên cả hai đã sống ly thân nên xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng từ đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn với anh Trần Phú H.

Về con chung: Chị L xác định chị và anh H có với nhau một người con tên là Trần Ngọc K, sinh ngày 10/11/2018, hiện đang sông cùng anh H tại ấp X. Do anh H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng không đưa ra ý kiến hay yêu cầu gì nên không có căn cứ để xem xét, theo ý kiến của chị L hiện anh H đang nuôi dưỡng con nên giao con cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do anh H vắng mặt không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị L yêu cầu được ly hôn với anh Trần Phú H , anh H có nơi cư trú tại ấp X, xã H, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi năm 2025 thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Phú H là hôn nhân hợp pháp đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) đúng thẩm quyền đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị L cho rằng giữa chị và anh H thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị và anh H đã ly thân từ tháng 5 năm 2025 đến nay. Đối với bị đơn Tòa án đã tiến hành thông báo các thủ tục tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân là nhằm để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên phải có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, muốn đạt được điều này vợ chồng cùng xây dựng, nhưng chị L không còn tình cảm vợ chồng với anh H và cả hai đã sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị L anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị L xác định chị và anh H có với nhau một người con chung tên Trần Ngọc K, hiện đang sống cùng với anh H. Nay chị L giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là nếu sau khi ly hôn vợ chồng không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con thì do Tòa án quyết định, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Chị L cho rằng hiện cháu K đang sống cùng anh H, anh H vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng không đưa ra ý kiến hay yêu cầu nên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo sự ổn định và điều kiện phát triển của con nghị nên giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con do H vắng mặt không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227 Điều 228; Điều 235; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Phú H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Ngọc K, sinh ngày 1011/2018, cho anh Trần Phú H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị L có quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0002642 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L anh Trần Phú H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV 5;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên